

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 03 - 2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị D (D1), sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày: Vào năm 1984, giữa ông Phan Văn H với bị đơn bà Ngô Thị D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì ông bà sinh sống tại Ấp A, xã D, huyện V, tỉnh H. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân bất hòa. Đến năm 2014, thì bà Ngô Thị D bỏ nhà đi cho đến nay, không biết đi đâu và không có tin tức gì của bà Ngô Thị

D. Tháng 12/2020, ông nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Ngô Thị D mất tích. Ngày 09/6/2021, Tòa án nhân huyện Vị Thủy ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 04/2021/QĐST-DS tuyên bố bà Ngô Thị D mất tích. Do đó, ông Phan Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Ngô Thị D; Về con chung, giữa ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D có 02 người con chung họ tên là Phan Duy K, sinh ngày 15/12/1985 và Phan Duy L, sinh ngày 30/11/1991. Các con chung đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bà Ngô Thị D đều vắng mặt, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất đều không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ông Phan Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Ngô Thị D. Bà Ngô Thị D có địa chỉ cư trú trước khi mất tích tại Ấp A, xã D, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn bà Ngô Thị D, đã được Tòa án tuyên bố mất tích và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Đối với nguyên đơn vào ngày 29/11/2021 và 03/12/2021 đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Vào năm 1984, ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 để giải quyết.

[3] Về hôn nhân: Giữa ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1984, tại thời điểm đó ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D chưa đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì ông bà vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế). Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Để chứng minh cho yêu cầu ly hôn, ông Phan Văn H đã cung cấp Quyết định số 04/2021/QĐST-DS ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang về việc tuyên bố bà Ngô Thị D mất tích và quyết định này đã có hiệu lực pháp luật ngày 12/7/2021. Xét thấy, bà Ngô Thị D là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Ông Phan Văn H là chồng của bà Ngô Thị D xin ly hôn với bà Ngô Thị D. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì yêu cầu ly hôn của ông Phan Văn H là có căn cứ.

[4] Về con chung, giữa ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D có 02 người con chung họ tên là Phan Duy K, sinh ngày 15/12/1985 và Phan Duy L, sinh ngày 30/11/1991, các con chung đều đã thành niên, ông Phan Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn H khẳng định về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, Điều 98, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH.10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm

a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H

1. Về hôn nhân: Cho ông Phan Văn H với bà Ngô Thị D(D) được ly hôn.
2. Về con chung đã thành niên nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét.
4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002576, ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, ông Phan Văn H đã nộp xong, không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Đông, huyện Vị Thủy;
- Công TTĐTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân